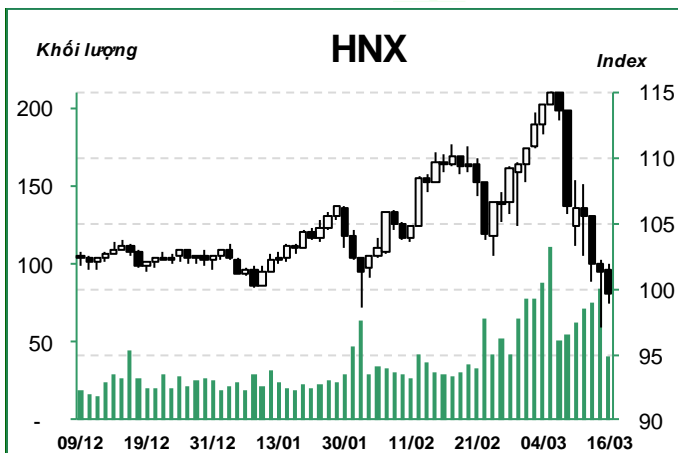
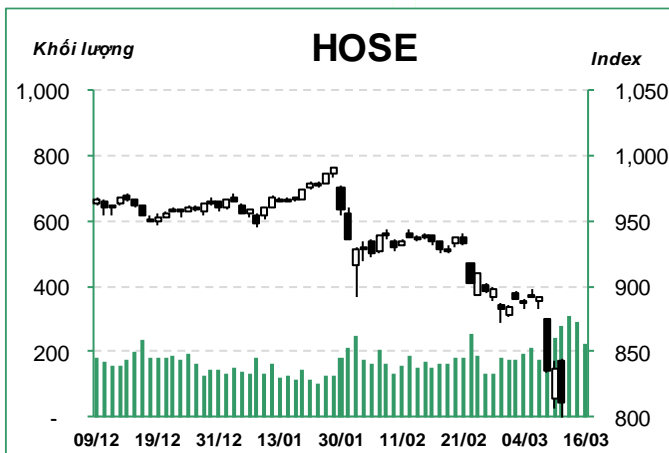


Tổng quan thị trường

16/03/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	747.86	-1.83%	698.18	-2.58%	99.62	-1.74%
Cuối tuần trước	761.78	-1.83%	716.65	-2.58%	101.38	-1.74%
Trung bình 20 ngày	865.18	-13.56%	816.29	-14.47%	107.83	-7.61%
Tổng KLGĐ (triệu cp)	292.25	-17.54%	108.03	-34.60%	41.23	-55.48%
KLGĐ khớp lệnh	222.78	-22.92%	74.03	-34.76%	40.71	-51.87%
Trung bình 20 ngày	211.33	5.42%	74.38	-0.47%	62.86	-35.24%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	4,573.71	-25.84%	2,636.22	-39.71%	427.55	-52.24%
GTGD khớp lệnh	3,125.77	-27.55%	1,900.59	-34.84%	421.58	-49.30%
Trung bình 20 ngày	3,298.39	-5.23%	2,050.27	-7.30%	697.24	-39.54%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	133	32%	4	13%	73	20%
Số mã giảm	239	57%	24	80%	74	20%
Số mã đứng giá	45	11%	2	7%	222	60%



Việc Fed bất ngờ thông báo cắt giảm lãi suất về sát mức 0% khiến thị trường chứng khoán biến động mạnh. Dù các gói kích thích được tung ra để hỗ trợ thị trường nhưng dường như tâm lý nhà đầu tư vẫn chưa được cải thiện. Các chỉ số chứng khoán Châu Á đồng loạt sụt giảm trong khi hợp đồng tương lai chỉ số Dow Jones cũng giảm điểm tương tự.

Về thị trường chứng khoán trong nước thì trên cả 2 sàn chỉ số đều có diễn biến tương đối tiêu cực. Với VN-Index thì chỉ số đóng cửa tại mức 747.86 điểm (-1.83%), với KLGĐ khớp lệnh đạt 222.8 triệu cổ phiếu (-22.9%), tương đương 3,126 tỷ đồng giá trị (-27.6%). Độ rộng thị trường nghiêng về bên bán với 239 mã giảm so với 133 mã tăng.

Trong đó, nhóm ngân hàng chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi thông tin giảm lãi suất của Fed khi nhiều cổ phiếu giảm sàn và gần sàn như Vietcombank-VCB (-5.5%), BIDV-BID (-6.3%), Vietinbank-CTG (-6.6%), VPBank-VPB (-6.9%) hay Techcombank-TCB (-4.4%). Ngoài ra, một số cổ phiếu trụ khác cũng giảm điểm theo xu hướng chung như Vinamilk-VNM (-2.1%), Bảo Việt-BVH (-4.8%), Thẻ giới di động-MWG (-3.8%),... Ở chiều ngược lại, PV Gas-GAS (+4.0%), Sabeco-SAB (+4.2%), Petrolimex-PLX (+1.8%) là những cổ phiếu đi ngược thị trường khi đóng cửa trong sắc xanh.

Lực bán của khối ngoại đã giảm so với phiên trước, đạt giá trị 384.5 tỷ đồng (-41.3%), tuy nhiên vẫn cao so với trung bình. Trong đó, Masan-MSN (-46.0 tỷ), Vingroup-VIC (-42.1 tỷ), HDBank-HDB (-36.1 tỷ) là những cổ phiếu chịu áp lực bán nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, Tài chính Hoàng Huy-TCH (+11.1 tỷ), Cao su Phước Hòa-PHR (+6.3 tỷ), Sacombank-SCR (+3.9 tỷ), là những cổ phiếu được mua ròng.

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
VPB	18,399.5	414.19
GTN	19,725.0	263.33
GAB	1,019.0	141.41
TCB	3,185.5	58.60
GEX	4,065.5	52.09
KDC	1,808.9	30.39
VRE	1,171.0	27.43
ROS	4,570.0	25.33
HDB	1,127.0	24.12
VNM	243.6	23.77
HNX		
NDN	317.0	3.87
MIM	146.0	1.80
TTZ	50.0	0.13
ACB	5.0	0.11
SHB	5.1	0.06
PVS	0.1	0.00
AMV	0.1	0.00

Đối với sàn Hà Nội, chỉ số HNX-Index có diễn biến tương tự khi đóng cửa giảm điểm tại mức 99.62 điểm (-1.74%). Với KLGD khớp lệnh đạt 40.7 triệu cổ phiếu (-51.9%), tương đương 421.6 tỷ đồng giá trị (-49.3%).

Áp lực giảm điểm vẫn đến từ một số cổ phiếu trụ của sàn Hà Nội như Ngân hàng Á Châu-ACB (-5.0%), Dầu khí PTSC-PVS (-1.8%), Vinaconex-VCG (-0.8%) hay Vicostone-VCS (-0.7%). Ở chiều hướng tăng điểm, Cảng Hải Phòng-PHP (+4.7%), Bột giặt Net-NET (+9.9%), Licogi 14-L14 (+9.8%) là những cổ phiếu đáng chú ý.

Khối ngoại cũng thu hẹp đà bán ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 11.2 tỷ đồng (-50.1%). Dầu khí PTSC-PVS (-6.8 tỷ) tiếp tục là cổ phiếu bị bán nhiều nhất trên sàn Hà Nội thời gian gần đây. Bên cạnh đó, Đầu tư Thăng Long-TIG (-2.2 tỷ), Ngân hàng SHB-SHB (-1.3 tỷ) và IDJ Financial-IDJ (-1.2 tỷ) cũng là những cổ phiếu bị bán ròng. Trái lại, Chứng khoán Artex-ART (+0.6 tỷ), KLF Global-KLF (+0.5 tỷ), Netland-NRC (+0.1 tỷ) được mua vào bởi khối ngoại.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm thứ tư liên tiếp. Khối lượng giao dịch xuống dưới mức bình quân 10 phiên, hàm ý áp lực bán có phần suy giảm. Không những vậy, chỉ số liên tiếp xuất hiện nến rút chân, kèm theo RSI rơi sâu trong vùng quá bán 12, cho thấy chỉ số có thể sớm xuất hiện nhịp hồi kỹ thuật trong những phiên tới, hướng trở lại lấp vùng Gap của phiên 12/3, tương ứng ngưỡng kháng cự tâm lý 800 điểm. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, chỉ số đang nằm trong xu hướng giảm khá mạnh, khi chỉ số duy trì đóng cửa dưới MA20 và chum MA5,10,20 phân kỳ âm tiêu cực với độ dốc lớn. Do đó, nhà đầu tư nên quan sát thận trọng thị trường và cân nhắc tận dụng các nhịp hồi kỹ thuật để hạ tỷ trọng về mức an toàn. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên giảm điểm thủng ngưỡng tâm lý 100 điểm, kèm theo MA5 cắt xuống dưới các đường MA 20 và 50, cho thấy xu hướng giảm đang khá tiêu cực. Trong trường hợp tiêu cực, chỉ số có thể suy giảm về vùng 95 điểm (vùng đáy tháng 7/2018). Nhìn chung, thị trường đang nằm trong xu hướng giảm. Tuy nhiên, thị trường đang rơi vào trạng thái quá bán, do đó, có thể xuất hiện nhịp hồi kỹ thuật trong những phiên tới. Vì vậy, nhà đầu tư nên cân nhắc tận dụng các phiên hồi kỹ thuật để đưa danh mục về mức an toàn.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HAI	4.3	6,171.0	7.0%
QCG	8.9	873.6	7.0%
RIC	5.2	1.2	7.0%
VDP	31.6	1.0	7.0%
NTL	15.4	372.4	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SVT	7.7	0.0	-7.0%
HVX	3.7	0.0	-7.0%
PNJ	57.3	903.3	-7.0%
VCF	184.0	0.4	-7.0%
CRE	18.0	0.1	-7.0%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	19.1	179.6	0.3%
CTG	20.5	158.2	-6.6%
MSN	49.5	157.4	-0.7%
TCH	23.4	146.7	6.9%
MWG	76.0	116.9	-3.8%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HQC	1.2	14,479.4	6.1%
FLC	3.6	12,410.0	2.9%
SCR	3.9	11,017.1	-3.3%
DLG	1.7	9,495.9	3.0%
HPG	19.1	9,283.9	0.3%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACM	0.6	184.0	20.0%
BII	0.7	101.8	16.7%
PVX	0.9	360.8	12.5%
SPI	0.9	115.6	12.5%
KVC	0.9	250.2	12.5%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TIG	5.4	969.4	-10.0%
TMX	13.5	0.2	-10.0%
TTT	39.9	0.1	-9.9%
VNT	38.1	0.1	-9.9%
TKU	8.4	0.3	-9.7%

Top 5 giá trị

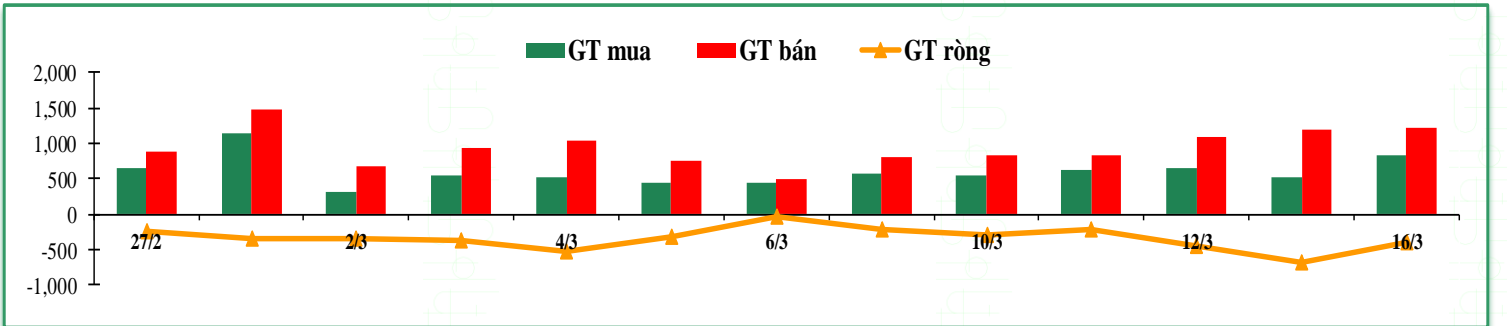
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	20.9	98.6	-5.0%
SHB	11.0	94.1	0.0%
PVS	10.8	36.7	-1.8%
MBG	11.7	33.2	2.6%
VCS	53.5	28.1	-0.7%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	11.0	8,688.1	0.0%
ACB	20.9	4,614.3	-5.0%
PVS	10.8	3,368.5	-1.8%
NVB	8.6	3,251.5	-1.2%
MBG	11.7	3,175.1	2.6%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	822.5	26.3%	1,207.0	38.6%	-384.5
HNX	2.9	0.7%	14.1	3.3%	-11.2
Tổng số	825.4		1,221.0		-395.7



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	21.0	394.5	-6.9%
VNM	97.0	65.4	-2.1%
VRE	23.7	40.9	-2.1%
HPG	19.1	39.4	0.3%
VCB	67.1	29.7	-5.5%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	21.0	395.5	-6.9%
VNM	97.0	81.3	-2.1%
HPG	19.1	68.8	0.3%
MSN	49.5	68.3	-0.7%
HDB	21.7	62.9	-5.7%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TCH	23.4	11.1	6.9%
PHR	41.5	6.3	1.2%
SCR	3.9	3.9	-3.3%
GAS	59.3	3.9	4.0%
PVD	9.2	3.0	-0.9%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	10.8	0.8	-1.8%
ART	2.9	0.6	7.4%
KLF	1.8	0.5	5.9%
TIG	5.4	0.4	-10.0%
BVS	8.5	0.2	-1.2%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	10.8	7.6	-1.8%
TIG	5.4	2.6	-10.0%
SHB	11.0	1.3	0.0%
IDJ	13.7	1.2	9.6%
TNG	13.1	0.2	-3.7%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ART	2.9	0.6	7.4%
KLF	1.8	0.5	5.9%
NRC	7.6	0.1	-2.6%
VCS	53.5	0.1	-0.7%
NBC	6.1	0.1	-1.6%

Tin trong nước

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ dự báo tăng 11% năm nay

CTCK BIDV (BSC) có báo cáo ngành bảo hiểm, dự báo ngành bảo hiểm phi nhân thọ sẽ tiếp tục được hỗ trợ nhờ tăng trưởng kinh tế vĩ mô ổn định. BSC nhận định Việt Nam vẫn là nước có nhiều tiềm năng tăng trưởng cho ngành bảo hiểm phi nhân thọ vì 3 lý do.

Thứ nhất, cơ cấu dân số trẻ và thu nhập tăng trưởng trung bình 7%/năm. Thứ hai, tỷ lệ sử dụng bảo hiểm phi nhân thọ của Việt Nam vẫn đang ở mức thấp (1,3% so với mức 3 - 4% trong khu vực thị trường đang phát triển). Thứ ba, phí bảo hiểm nhân thọ/người ở mức thấp (21 USD/người so với 70 USD/người tại thị trường đang phát triển).

BSC kỳ vọng doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ sẽ tăng 11% trong năm 2020.

Theo BSC, Việt Nam tiếp tục giữ vững nền kinh tế ổn định dù tốc độ tăng trưởng chậm lại, tuy nhiên vẫn sẽ giữ ở mức cao so với khu vực và thế giới. Tăng trưởng GDP dự báo khoảng 6,5%- 6,6% đóng góp chính từ tiêu dùng cá nhân và đóng góp từ khối FDI, CPI ở mức 3,5% .

Năm 2019, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng 11,6%. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến 20/12, doanh thu phí gốc ngành bảo hiểm đạt mức 109.871 tỷ đồng, tăng 20%, trong đó doanh thu phí gốc bảo hiểm phi nhân thọ đạt 52.132 tỷ, tăng 11,6%. Xét về thị phần, Bảo Việt hiện đứng vị trí số một với 22% thị phần, theo sau là PVI (15,2%) và PTI (10,1%). Các doanh nghiệp khác chiếm tỷ lệ nhỏ khoảng 5%.

Giảm hơn 2.000 đồng, giá xăng còn chưa tới 17.000 đồng/lít

Ngày 15/3, liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở xăng E5RON92 là 16.056 đồng/lít, giảm 2.290 đồng so với kỳ trước đó. Giá xăng RON 95-III cơ sở là 16.812 đồng/lít, giảm 2.315 đồng. Hiện giá xăng cơ sở đang ở mức thấp nhất hơn một năm qua sau 5 lần giảm liên tiếp.

Giá dầu cơ sở cũng được điều chỉnh giảm. Dầu diesel 0.05S giảm 1.750 đồng xuống tối đa 13.035 đồng/lít và dầu hỏa giảm 1.830 đồng xuống 11.846 đồng/lít. Giá dầu mazut 180CST 3.5S giảm 1.353 đồng lên 10.501 đồng/kg.

Mức giá mới được áp dụng từ 15h hôm nay. Đây là đợt giảm giá xăng dầu mạnh nhất từ năm 2019. So với đầu năm, mỗi lít xăng RON95 đã giảm hơn 4.100 đồng; xăng E5 RON92 giảm hơn 3.700 đồng.

Theo thông báo của liên bộ, giá xăng dầu thế giới trung bình trong 15 ngày trước kỳ điều hành nhìn chung có xu hướng giảm do dịch Covid-19 diễn biến ngày càng phức tạp ở các nước trên thế giới. Trong đó, giá xăng RON 92 dùng để pha chế xăng E5 RON 92 giảm 15,3% xuống 48,692 USD/thùng. Xăng RON 95 giảm 13,8% xuống 50,350 USD/thùng...

Tin doanh nghiệp niêm yết

Nhà đầu tư nước ngoài mua 96 tỷ đồng trái phiếu Bất động sản An Gia

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (HoSE: AGG) đã phát hành 100 tỷ đồng trái phiếu đợt 1 trong gói 180 tỷ đồng. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có đảm bảo bằng tài sản. Lãi suất trái phiếu cố định 11%/năm, kỳ hạn 24 tháng, trả lãi 6 tháng/lần.

Sao Ta sẽ mua tối đa 2 triệu cổ phiếu quỹ

Công ty Thực phẩm Sao Ta (HoSE: FMC) công bố phương án mua lại tối đa 2 triệu cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ. Giá mua xác định theo giá thị trường tại từng thời điểm giao dịch, từ nguồn vốn từ thặng dư cổ phần.

Thời gian dự kiến giao dịch không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện giao dịch. Giao dịch thực hiện qua phương thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận.

Về kết quả kinh doanh, năm 2019, Sao Ta báo cáo doanh thu đạt 3.710 tỷ đồng, biên lãi gộp tăng từ 10,4% lên 11,4%. Trong hoạt động tài chính, doanh thu tăng 64% lên 18 tỷ đồng, chi phí giảm 37% xuống 21 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 230 tỷ đồng, tăng 28%. Công ty đã vượt 31% kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

Nhiệt điện Phả Lại lên kế hoạch lãi 2020 giảm 55% đạt 677 tỷ đồng

Theo tài liệu ĐHCĐ thường niên 2020, ban lãnh đạo Công ty Nhiệt điện Phả Lại (HoSE: PPC) đề xuất sản lượng điện sản xuất mục tiêu năm nay là 6.200 triệu kWh, tăng 3,3% so với năm trước; sản lượng điện bán cho EVN là 5.598 triệu kWh. Kế hoạch doanh thu 8.277 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 676,77 tỷ đồng, lần lượt giảm 3% và giảm 55%.

Năm 2019, công ty đạt tổng doanh thu 8.497 tỷ đồng, vượt 13% kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu từ sản xuất điện đạt 8.165 tỷ đồng, tăng so với kế hoạch nhờ sản lượng điện bán ra đạt 5,5 tỷ kWh vượt 4,4% kế hoạch. Doanh thu hoạt động tài chính đạt 310 tỷ đồng gồm lãi tiền gửi 132,5 tỷ và cổ tức được nhận 177,8 tỷ đồng.

Cùng với doanh thu, chi phí sản xuất điện cũng vượt 4% kế hoạch năm do sản lượng sản xuất điện cao hơn kế hoạch, đơn giá than, dầu tăng. Trong năm, Nhiệt điện Phả Lại đã trả hết khoản nợ 2,5 tỷ yên Nhật nên chi phí lãi vay chỉ 12,4 tỷ đồng, giảm một nửa so năm trước; chi phí chênh lệch tỷ giá đã thực hiện 5,27 tỷ và hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư 32,6 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế đạt 1.529 tỷ đồng, vượt 96% kế hoạch năm và tăng 7% cùng kỳ. Lợi nhuận từ sản xuất điện đạt 1.189 tỷ đồng, vượt 109% kế hoạch năm.

Nhiều năm gần đây, Nhiệt điện Phả Lại luôn đặt kế hoạch kinh doanh thấp hơn nhiều so với năm trước đó và kết quả thực hiện luôn vượt mạnh kế hoạch.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DGC	Mua	17/3/2020	22.8	22.8	0.0%	27.0	18%	21.0	-8%	Rơi về vùng đáy cũ và có cơ hội tạo mô hình hai đáy.
2	PVS	Mua	17/3/2020	10.80	10.80	0.0%	13.0	20.4%	9.9	-8.3%	Quá bán mạnh + tín hiệu dòng tiền tham gia

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	SZC	Mua	16/3/2020	13.95	14.10	-1.1%	16.0	13%	13.2	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền (*)	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 16/03/2020						Thông tin chứng quyền							
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (**)(VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CDPM2001	1,000	220	-15.38 %	-78%	13,931	95	11,050	0	(220)	KIS	DPM	14,567	2	19/06/2020
CDPM2002	1,700	1,280	-7.91 %	-25%	1,005	275	11,050	109	(1,171)	KIS	DPM	15,252	1	16/12/2020
CFPT1905	9,900	890	-39.86 %	-91%	4,078	37	47,600	0	(890)	SSI	FPT	55,000	1	22/04/2020
CFPT1906	1,700	90	-50 %	-95%	47,735	23	47,600	(0)	(90)	HSC	FPT	57,000	5	08/04/2020
CFPT1908	3,150	860	-14 %	-73%	19,172	93	47,600	9	(851)	MBS	FPT	54,000	3	17/06/2020
CFPT2001	1,600	400	-41.18 %	-75%	7,904	98	47,600	1	(399)	HCM	FPT	56,000	5	22/06/2020
CFPT2002	2,900	1,050	-8.7 %	-64%	271	128	47,600	9	(1,041)	VCI	FPT	58,000	2	22/07/2020
CGMD1901	1,680	40	33.33 %	-98%	3,050	43	15,800	(0)	(40)	MBS	GMD	24,929	3	28/04/2020
CGMD2001	1,000	60	-40 %	-94%	24,526	98	15,800	0	(60)	HCM	GMD	25,000	4	22/06/2020
CHDB2001	2,000	410	-25.45 %	-80%	149	95	21,700	0	(410)	KIS	HDB	29,099	2	19/06/2020
CHDB2002	1,950	200	-48.72 %	-90%	8,303	25	21,700	(0)	(200)	MBS	HDB	26,000	2	10/04/2020
CHDB2003	2,700	970	-23.62 %	-64%	530	275	21,700	15	(955)	KIS	HDB	32,123	2	16/12/2020
CHPG1907	4,200	600	11.11 %	-86%	7,349	37	19,100	0	(600)	SSI	HPG	21,000	1	22/04/2020
CHPG1909	1,800	200	0 %	-89%	25,474	60	19,100	0	(200)	KIS	HPG	24,680	2	15/05/2020
CHPG2001	1,800	310	-16.22 %	-83%	3,912	106	19,100	1	(309)	HCM	HPG	24,000	2	30/06/2020
CHPG2002	1,700	720	-2.7 %	-58%	6,300	275	19,100	17	(703)	KIS	HPG	29,999	2	16/12/2020
CHPG2003	1,570	270	8 %	-83%	39,763	49	19,100	0	(270)	MBS	HPG	22,100	3	04/05/2020
CMBB1903	4,000	340	-32 %	-92%	3,191	37	16,450	(0)	(340)	SSI	MBB	22,000	1	22/04/2020
CMBB1905	1,700	50	-16.67 %	-97%	11,546	23	16,450	(0)	(50)	HSC	MBB	23,000	2	08/04/2020
CMBB2001	1,600	240	-46.67 %	-85%	28,964	98	16,450	0	(240)	HCM	MBB	21,000	2	22/06/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMSN1902	3,000	150	0 %	-95%	7,925	60	49,500	(0)	(150)	KIS	MSN	77,889	5	15/05/2020
CMSN2001	2,300	1,250	-6.72 %	-46%	2,250	275	49,500	141	(1,109)	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMWG1907	1,900	30	-25 %	-98%	3,492	23	76,000	(0)	(30)	HSC	MWG	125,000	10	08/04/2020
CMWG2001	1,700	70	-58.82 %	-96%	41,607	98	76,000	0	(70)	HCM	MWG	115,000	10	22/06/2020
CMWG2002	1,950	240	-31.43 %	-88%	8,599	116	76,000	0	(240)	MBS	MWG	110,000	10	10/07/2020
CMWG2003	1,530	50	-50 %	-97%	3,400	39	76,000	(0)	(50)	MBS	MWG	114,500	10	24/04/2020
CNVL2001	2,300	-	0 %	-100%	-	275	51,600	78	78	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CPNJ2001	2,200	120	-55.56 %	-95%	4,601	39	57,300	(0)	(120)	MBS	PNJ	83,500	5	24/04/2020
CREE1903	7,600	250	-19.35 %	-97%	1,420	37	28,050	(0)	(250)	SSI	REE	36,000	1	22/04/2020
CREE1905	2,150	430	-4.44 %	-80%	2,220	93	28,050	0	(430)	MBS	REE	34,600	3	17/06/2020
CREE2001	1,100	210	5 %	-81%	1,276	98	28,050	0	(210)	HCM	REE	36,000	5	22/06/2020
CROS2001	1,500	50	-16.67 %	-97%	23,408	95	4,950	(0)	(50)	KIS	ROS	26,468	4	19/06/2020
CSBT2001	2,900	1,570	-23.04 %	-46%	1,500	275	14,800	3	(1,567)	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2001	1,500	1,000	-13.79 %	-33%	16,935	93	9,990	12	(988)	KIS	STB	10,999	1	17/06/2020
CSTB2002	1,700	1,700	-11.92 %	0%	77	275	9,990	165	(1,535)	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CTCB1902	5,300	920	-3.16 %	-83%	7,939	81	17,450	0	(920)	VND	TCB	21,000	1	05/06/2020
CTCB2001	1,700	190	-56.82 %	-89%	11,659	98	17,450	0	(190)	HCM	TCB	23,000	2	22/06/2020
CVHM1902	18,600	400	-55.56 %	-98%	7,106	37	71,800	0	(400)	SSI	VHM	85,000	1	22/04/2020
CVHM2001	3,100	-	0 %	-100%	-	275	71,800	95	95	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVIC1902	22,700	350	-5.41 %	-98%	861	37	92,500	0	(350)	SSI	VIC	115,000	1	22/04/2020
CVIC1903	2,100	170	-10.53 %	-92%	14,388	60	92,500	0	(170)	KIS	VIC	123,000	10	15/05/2020
CVIC2001	3,800	-	0 %	-100%	-	275	92,500	5	5	KIS	VIC	126,468	5	16/12/2020
CVJC1902	27,900	220	-15.38 %	-99%	1,463	37	100,000	(0)	(220)	SSI	VJC	130,000	1	22/04/2020
CVJC2001	2,400	-	0 %	-100%	-	275	100,000	0	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVNM1902	1,900	40	-20 %	-98%	1,997	10	97,000	-	(40)	HSC	VNM	133,333	10	26/03/2020
CVNM1903	26,600	900	-32.84 %	-97%	437	37	97,000	0	(900)	SSI	VNM	120,000	1	22/04/2020
CVNM1904	1,900	40	0 %	-98%	7,172	23	97,000	(0)	(40)	HSC	VNM	133,000	10	08/04/2020
CVNM1905	2,500	80	-27.27 %	-97%	30	43	97,000	0	(80)	MBS	VNM	126,800	10	28/04/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVNM2001	1,700	340	1600 %	-80%	6,842	98	97,000	0	(340)	HCM	VNM	118,983	10	22/06/2020
CVNM2002	3,200	1,390	-10.32 %	-57%	130	275	97,000	14	(1,376)	KIS	VNM	141,111	5	16/12/2020
CVPB2001	1,500	1,550	-25.48 %	3%	29,307	98	20,950	664	(886)	HCM	VPB	20,000	2	22/06/2020
CVPB2002	1,000	1,260	-37.93 %	26%	5,189	23	20,950	357	(903)	VPBS	VPB	20,300	2	08/04/2020
CVPB2003	2,200	-	0 %	-100%	-	128	20,950	401	401	VCI	VPB	22,000	1	22/07/2020
CVRE1902	1,300	50	-16.67 %	-96%	1,523	23	23,700	(0)	(50)	HSC	VRE	32,500	4	08/04/2020
CVRE1903	2,700	100	-23.08 %	-96%	15,001	60	23,700	(0)	(100)	KIS	VRE	35,789	2	15/05/2020
CVRE2001	1,500	330	-19.51 %	-78%	2,001	(62)	23,700	(3,351)	(3,681)	KIS	VRE	36,789	4	14/01/2020
CVRE2002	1,400	110	-78.43 %	-92%	7,941	98	23,700	0	(110)	HCM	VRE	32,000	4	22/06/2020
CVRE2003	3,000	-	0 %	-100%	-	275	23,700	7	7	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
POW (New)	HOSE	8,880	16,100	13/03/2020	3,529	1,294	14,126	11%	7%	12.4	1.1	0%
HVN (New)	HOSE	20,600	21,300	13/03/2020	1,558	950	13,139	8%	2%	22.4	1.6	3%
TCB (New)	HOSE	17,450	24,500	12/03/2020	12,047	3,442	20,737	15%	3%	7.2	1.2	0%
FPT (New)	HOSE	47,600	52,300	11/03/2020	4,444	4,832	17,843	24%	12%	11.0	2.9	20%
ACB	HNX	20,900	27,100	02/03/2020	6,796	4,206	19,672	25%	2%	6.4	1.4	10%
NLG	HOSE	22,000	35,560	28/02/2020	1,108	4,261	24,839	18%	11%	6.1	1.0	1%
HPG	HOSE	19,100	24,000	27/02/2020	6,696	2,400	19,514	12%	6%	10.0	1.2	0%
MWG	HOSE	76,000	128,200	27/02/2020	4,835	10,664	35,484	30%	10%	12.0	3.6	15%
VJC	HOSE	100,000	120,000	18/02/2020	4,524	8,293	34,498	24%	7%	14.3	3.4	10%
DGW	HOSE	20,450	31,500	13/02/2020	202	4,837	26,814	18%	6%	6.5	1.2	5%
PNJ	HOSE	57,300	99,800	04/02/2020	1,492	6,624	24,291	27%	15%	15.1	4.1	8%
VPB	HOSE	20,950	27,500	16/01/2020	7,785	3,077	16,496	20%	2%	N/A	N/A	0%
TNG	HNX	13,100	18,400	15/01/2020	237	3,801	17,718	22%	8%	3.9	0.8	20%
VNM	HOSE	97,000	136,700	30/12/2019	10,682	5,865	16,278	40%	24%	20.7	7.4	50%
NVL	HOSE	51,600	64,475	27/12/2019	3,309	3,154	22,311	14%	5%	17.7	2.4	0%
VCB	HOSE	67,100	96,200	18/12/2019	19,925	5,372	23,779	26%	2%	7.4	1.8	0%
SBT	HOSE	14,800	19,660	11/12/2019	399	656	12,339	5%	2%	30.0	1.6	6%
GEG	HOSE	20,300	N/A	05/12/2019	267	1,060	11,512	10%	4%	N/A	N/A	7%
NLG	HOSE	22,000	35,000	22/11/2019	873	3,123	20,454	15%	8%	6.4	1.0	5%
MBB	HOSE	16,450	34,211	31/10/2019	9,094	3,898	20,207	20%	2%	8.9	1.7	0%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2019 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.